SỞ Y TẾ TP HẢI PHÒNG
TTYT HUYỆN KIẾN THỤY

Số: 440/CV-TTYT

V/v mời cung cấp báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Kiến Thụy, ngày 30 tháng 12 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Kiến Thụy có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung cấp: Mua sắm máy đo chức năng hô hấp phục vụ chuyên môn tại Trung tâm y tế huyện Kiến Thụy với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế Huyện Kiến Thuỵ

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Dương Văn Duy, Phó trưởng khoa Dược TTB VTYT, số điện thoại: 0983.867.114, Email: Cntvanduy@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược TTB-VTYT

Địa chỉ: Khu Thọ Xuân – Thị Trấn Núi Đối – Huyện Kiến Thuỵ - TP. Hải Phòng

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h ngày 30 tháng 12 năm 2024 đến trước 08 tháng 01 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật
1	Máy đo chức năng hô hấp	Cái	01	**1. Thông số kỹ thuật** **Hiển thị** Màn hình: Cảm ứng Độ phân giải: 640 x 480 RGB (màu) **Bàn phím**: kết hợp chữ, số, phím trên màn hình cảm ứng **Chỉ thị Pin:** đèn + âm báo **Máy in tích hợp:** Khổ giấy: 112 mm

				Loại giấy	cuộn
				Độ phân giải giấy in	200 dpi trục Y, 500 dpi trục X
				Loại máy in	máy in nhiệt
				Điều kiện hoạt động	
				Nhiệt độ xung quanh	+ 10°C đến + 40°C
				Nhiệt độ xung quanh nên có	+ 17°C đến + 28°C (để tránh sự phản ứng kích thích của phế quản)
				Độ ẩm tương đối	25 % đến 95 %
				Áp suất không khí	700 hPa đến 1100 hPa
				Các thông số đo lường	
				Chỉnh sửa BTPS	Tự động
				Hít vào / Thở ra	có / có
				Đo phế dung cưỡng bức (**forced**)	FVC, Best FVC, FEV0.75, FEV1, Best FEV1, FEV3, FEV6, PEF, FEV0.75/FVC, FEV1/FVC, FEV3/FVC, FEV6/FVC, FEV0.75/SVC, FEV1/SVC, FEV3/SVC, FEV6/SVC, PIF, FIVC, FIV1, MEF75, MEF50, MEF25, FEF75, FEF50, FEF25, MMEF, FET25, FET50, MIF75, MIF50, MIF25, PEFT, FIF50, FEF50/FIF50, FEF50/SVC, FEV0.75/FEV6, FEV1/ FEV6, FIV1/FIVC, VEXT, Lung age
				Đo chế độ **relaxed**	SVC, ERV, IRV, TV, IC, IVC
				Đo chế độ **mvv**	MVV, MVVf, MRf
				Trị số ước lượng	ECCS/ERS 1993, ECCS 1983, NHANES III, Knudson 1983, Knudson 1976, Roca 1986, CRAPO 1981, ITS, Perreira – Brazil, LAM, Gore – Australia, Zapletal 1977
				Ghi nhận được lưu trữ	250
				Hồ sơ người sử dụng	Không giới hạn
				Diễn giải	Enright, ATS, BTS
				Dùng cho trẻ em	có
				Trọng lượng máy:	3.2 Kg
				Kích thước	330 x 270 x 74 (mm)
				Các đặc điểm kỹ thuật	
				Phạm vi lưu lượng (lít/s)	16 lít/s (hít vào / thở ra)
				Độ chính xác (50 ml/s đến 16 lít/s)	± 5 % cho 50 ml/s (hay lớn hơn)
				Khoảng dung tích (lít)	0.025 đến 8 lít
				Độ chính xác (0.025 to 8 l)	± 3 % cho 50 ml (hay lớn hơn)
				Độ cản dòng	< 79 Pa / l/s
				Chỉnh sửa BTPS:	

				Bộ cảm biến nhiệt độ + 10°C đến + 40°C Độ chính xác ± 3 % hay 25°C Bộ cảm biến áp suất không khí 700 – 1200 hPa Độ chính xác ± 2 % Bộ cảm biến độ ẩm tương đối 0 đến 100 % RH Độ chính xác ± 4 % hay 25°C, 30 – 80 % RH Nguồn điện 115 V / 230 V, 50 – 60 Hz, 40 VA Ắc qui 1x 12 V / 1.2 Ah, 48x97x52 mm Dung lượng ắc quy 3 – 4 tiếng Thời gian sạc 10 giờ (nếu hết pin hoàn toàn) Tần sốt lấy mẫu 1000 Hz 1000 Hz **Phân loại** Các tiêu chuẩn an toàn IEC 601-1, IEC 601-1-2, IEC 601-1-4, ISO 14971 Các tiêu chuẩn đó phế dung EN 13826, ATS / ERS Standards 2005 Lớp bảo vệ điện II theo IEC 536 Bộ phận ứng dụng BF theo IEC 601-1 **PHỤ KIỆN TIÊU CHUẨN** - Dây nguồn: 01 dây - Lưu lượng kế với cáp kết nối: 01 bộ - Xi lanh căn chỉnh 3 lít: 01 cái - Cảm biến đo lưu lượng kèm với ống thổi bằng nhựa: 04 cái - Kẹp mũi: 01 cái - Cuộn giấy in nhiệt 112mm: 01 cuộn - Tài liệu HDSD: 01 bộ

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Đơn vị cung ứng phải đáp ứng các yêu cầu về vận chuyển, bảo quản thiết bị y tế và giao hàng tại khoa Dược -VTYT Trung tâm y tế huyện Kiến Thụy

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: thanh toán 100% tổng giá trị hợp đồng sau khi bàn giao thiết bị tại nơi sử dụng.

5. Các thông tin khác (nếu có).

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: HĐKH, TCKT, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KIẾN THỤY

PHÓ GIÁM ĐỐC

BS CKI. Trần Thị Thành